

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/KDTM-ST

Ngày: 27/9/2022

“V/v Tranh chấp Hợp đồng thuê thiết bị”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI – TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Minh Yên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Ngân

2. Bà Vũ Thị Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn – Kiểm sát viên

Ngày 27/9/2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2022/TLST – KDTM ngày 01 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng cho thuê thiết bị”,

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐST - KDTM ngày 01 tháng 8 năm 2022; quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2022/QĐ-TA ngày 18/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/QĐ-TA ngày 16/9/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty A, Địa chỉ: Đội 2, thôn X, xã Đ, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

Người đại diện: Ông Nguyễn Khắc T, Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Đoạt, Địa chỉ: Số nhà 051, Lý Đạo Thành, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai (Văn bản ủy quyền ngày 07/3/2022). Có mặt.

Bị đơn: Công ty M, địa chỉ: số 58 (KM1 + 400) đường P, phường D, Quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện: Ông Nguyễn Xuân S, Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền:

1.Ông Phí Quang Đ, Chức vụ: Trưởng phòng quản lý TB, địa chỉ: Số nhà 467, đường liền kề 10, khu nhà ở A, phường D, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng (Theo văn bản ủy quyền số 194-22/UQ-GM ngày 09/7/2022 của Công ty M). Có mặt.

2. Ông Trần Văn Ch – Cán bộ vật tư, Địa chỉ lưu trú: Số nhà 011, đường An Lạc, tổ 24, phường C, thành phố C, tỉnh Lào Cai (Văn bản ủy quyền số 140-22/UQ-GM ngày 10/6/2022). Có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Kim H, địa chỉ: Công ty Luật TNHH Dragon, số 102 lô 14, Lê Hồng Phong, phường Đăng Lâm, Quận Hải An, Hải Phòng (Văn bản ủy quyền ngày 12/09/2022). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai tại Tòa án, nguyên đơn công ty A (gọi tắt là Công ty A) trình bày: Theo hợp đồng thuê thiết bị số 1012/2021/HĐTB/AT-GM, ngày 10/12/2021 giữa Công ty A và Công ty M (gọi tắt là Công ty M), Nội dung: Công ty M (Bên A) thuê máy cầu Model: cầu QLCM 6015A của Công ty A (bên B) để phục vụ thi công công trình dự án The Manor Lào Cai tại phường Bắc Cường, TP Lào Cai.

Ngày 23/12/2021 sau khi Công ty M chuyển tiền cọc theo hợp đồng, Công ty A đã chuyển cầu tháp đến công trình, lắp dựng, kiểm định xong. Ngày 06/01/2022 Công ty A đã hoàn thành lắp đặt, bàn giao và bên thuê đã ký biên bản nghiệm thu thiết bị để đưa vào thi công (Biên bản kiểm định số 15-TBN-KĐVVN/22 và kết quả kiểm định số 001188). Thiết bị được bàn giao và đưa vào sử dụng từ ngày 06/01/2022, cầu tháp đã làm việc và phục vụ công trường từ ngày 06/01/2022.

Đến ngày 25/01/2022 khi cầu tháp đang hoạt động bình thường, Công ty M tự ý cho người phá dỡ và hủy hoại tài sản là Cầu QLCM 6015A của Công ty A. Căn cứ điểm 5.2 Điều 5 của Hợp đồng hành vi của bên A được coi là hủy hoại tài sản và sẽ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi đó.

Ngày 18/02/2022 Công ty A có công văn yêu cầu Công ty M trả chi phí thực hiện cầu tháp là 202.856.939 đồng và yêu cầu sửa chữa ca bin cầu tháp vì Công ty M tự ý tháo dỡ làm vỡ cabin gây thiệt hại 30.000.000 đồng

Do việc đơn phương chấm dứt hợp đồng và tự ý tháo dỡ máy cầu hoàn toàn thuộc về lỗi của Công ty M nên Công ty A khởi kiện yêu cầu Công ty M trả số tiền 202.856.939 đồng, và tiền sửa chữa cabin 30.000.000 đồng. **Tổng số tiền là 232.856.939 đồng.**

-Tại văn bản trả lời Tòa án đề ngày 10/6/2022, bị đơn Công ty M (Gọi tắt là Công ty M) trình bày: Năm 2021, Công ty M có ký Hợp đồng thi công công trình The Manor thành phố Lào Cai. Khối lượng công việc lớn, tiến độ thi công gấp nên Công ty phải lắp 02 cầu tháp để phục vụ thi công cho công trình nên Công ty M có thuê 01 cầu tháp QLCM 6015 của Công ty A để phục vụ thi công công trình. Các trách nhiệm Công ty M đã thực hiện rất đầy đủ như: Thanh toán tiền tạm ứng theo hợp đồng số tiền 100.000.000 đồng, thanh toán hỗ trợ thêm cho Công ty A tiền khoan cấy bulong móng cầu tháp và tiền thuê cầu lớp to hơn để lắp đặt số tiền là 43.513.462 đồng.

Sau khi Công ty A lắp cầu đến chiều cao tự đứng, kiểm định xong và phải lắp giằng cốt cầu lên tiếp thì mới phục vụ thi công cho công trình được, nhưng sau khi thực hiện kiểm định thì Công ty A đã rút toàn bộ công nhân và thợ vận hành máy ra khỏi công trình mà không tiến hành lắp đặt hoàn thiện cầu ngay nên Công ty M không hoạt động thi công công trình được. Công ty M đã trao đổi với Công ty A về thực trạng của

cầu như: Cầu hỏng biến tần, không có người gia công, nâng đốt giăng, không có thợ vận hành máy. Việc trao đổi này được Công ty M thực hiện bằng văn bản và trao đổi trực tiếp với ông Nguyễn Khắc T là Giám đốc Công ty A qua điện thoại nhưng ông Toàn chỉ hứa hẹn và không thực hiện ngay dẫn đến ảnh hưởng đến tiến độ thi công của công trình. Ngày 12/01/2022 Công ty M đã có văn bản trao đổi với Công ty A qua mạng xã hội ZALO. Ngày 13/01/2022 Công ty A có gửi công văn cho Công ty M số 1301/AT/2022 cam kết ngày 14/01/2022 sẽ khắc phục toàn bộ sự cố trên để cầu hoạt động. Ngày 14/01/2022 Công ty A lại gửi văn bản số 1401/AT/2022 cho Công ty M về việc cầu hỏng một số thiết bị và cam kết sẽ sửa dứt điểm trong ngày 14/01 và chuẩn bị sẵn một số thiết bị dự phòng thay mới 100% để ở công trường để khi cầu hỏng thay thế ngay, và hứa bố trí ngay đội ngũ kỹ thuật và vận hành có mặt ngay trong ngày để lắp giăng và nâng đốt cầu tháp đến chiều cao làm việc được cho công trình. Ngày 14/01/2022 đội kỹ thuật của Công ty A có đến để sửa cầu tháp, tuy nhiên cầu tháp vẫn không hoạt động được. Do ảnh hưởng đến tiến độ thi công của công trình, phía Công ty M đã bị chủ đầu tư phạt tiến độ, ngày 15/01/2022 Công ty M có văn bản thông báo với Công ty A về việc từ ngày 16/01/2022 nếu cầu tháp vẫn xảy ra sự cố trong quá trình hoạt động: Số lần hỏng quá 02 lần/tuần, thời gian sửa chữa quá ½ ngày thì sẽ chấm dứt hợp đồng với Công ty A, do Công ty A không thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, và yêu cầu Công ty A tháo dỡ cầu tháp ra khỏi công trường và yêu cầu Công ty A có trách nhiệm bồi thường thiệt hại từ việc cầu hỏng gây ra. Tuy nhiên Công ty A không có văn bản trả lời cũng không có ý kiến gì trả lời Công ty M.

Đến ngày 21/01/2022 các vấn đề về cầu hỏng và tập kết các thiết bị dự phòng như Công ty A hứa vẫn chưa khắc phục và chuyển về công trường. Cụ thể như ngày 20/01 cầu hỏng và cho sửa chữa nhưng đến ngày 21/01 cầu lại hỏng xe con không ra vào được. Do đó ngày 21/01 Công ty M có công văn gửi Công ty A về việc chấm dứt hợp đồng và yêu cầu ngày 22/01 tháo hạ và di chuyển cầu ra khỏi công trường, nhưng đến ngày 24/01 Công ty A vẫn chưa tháo hạ và di chuyển cầu nên Công ty M thuê đơn vị khác hạ cầu xuống. Ngày 17/02 Công ty M có công văn 150122/CV-GM sang cho Công ty A thông báo về chi phí thiệt hại do cầu lắp không sử dụng được dẫn đến thiệt hại về kinh phí với số tiền 390.000.000 đồng và yêu cầu Công ty A phải trả số tiền trên.

Ngày 07/3/2022 khi Công ty A di chuyển cầu ra khỏi công trường, trong quá trình cầu hàng ra ngoài có va vào kết cấu công trình của GM, dẫn đến bị gãy 01 cột nhà GM phải phá đi làm lại, thiệt hại 45 triệu đồng.

Nay Công ty A khởi kiện yêu cầu Công ty M phải trả số tiền 232.856.939 đồng, Công ty M không nhất trí, vì đối với số tiền 202.856.939 đồng như bảng kê Công ty A, Công ty M đã chuyển tạm ứng đúng theo hợp đồng và còn hỗ trợ thêm chi phí khoan bulong và thuê cầu lắp to hơn cho A. Đối với khoản tiền 30.000.000 đồng yêu cầu bồi thường sửa chữa hỏng cabin, đây là khoản tiền rất nhỏ so với thiệt hại cầu lắp không hoạt động được gây ra (390 triệu) và chi phí làm lại cột nhà bị gãy khi Công ty A chuyển cầu về gây ra. Do đó yêu cầu Công ty A phải thực hiện trả cho Công ty M các khoản chi phí trên Công ty M mới tiến hành sửa chữa hoặc đền bù cabin cầu bị móp.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng nguyên đơn Công ty A không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần một, lần hòa giải thứ hai Công ty A có văn bản đề nghị không tiến hành hòa giải, do đó vụ án không hòa giải được.

Đối với thiệt hại của Công ty M đã nêu là 390.000.000 đồng, Tòa án đã yêu cầu Công ty M cung cấp tài liệu chứng cứ và làm thủ tục phản tố để xem xét giải quyết nhưng Công ty M không cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án.

Ý kiến các đương sự tại phiên tòa:

Tại phiên tòa đại diện Công ty A là ông Nguyễn Văn Đoạt và người đại diện Công ty M là ông Phí Quang Đ đều xác nhận: Công ty A và Công ty M có thực hiện ký hợp đồng thuê thiết bị số 1012/2021/HĐTB/AT-GM về việc Thuê và cho thuê cầu tháp QLCM 6015 là đúng. Hợp đồng thuê không có chữ ký của đại diện Công ty M nhưng vào ngày 23/12/2021 Công ty M đã chuyển tiền đặt cọc theo hợp đồng đã ký và xác định hợp đồng đã được giao kết từ ngày 23/12/2021.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty A xác định: Do Công ty M đơn phương chấm dứt hợp đồng là vi phạm điều khoản đã ký kết trong hợp đồng, dẫn đến gây thiệt hại cho Công ty A, vì vậy Công ty A giữ nguyên quan điểm yêu cầu Công ty M thanh toán trả cho Công ty A số tiền 202.856.939 đồng; đối với số tiền sửa chữa cabin cầu tháp, tại phiên tòa ngày 16/9/2022 Công ty A đã nộp hợp đồng sửa chữa cũng như biên bản xác nhận khối lượng thanh toán và hóa đơn. Mặc dù hóa đơn sửa chữa hết hơn 30.000.000 đồng nhưng Công ty A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu, đề nghị Tòa án buộc Công ty M có trách nhiệm bồi thường tiền sửa chữa cabin là 30.000.000 đồng. Tổng số tiền Công ty A yêu cầu Công ty M có trách nhiệm thanh toán là 232.856.939 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền Công ty M trình bày ý kiến tại phiên tòa: Công ty M không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty A vì: Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty M đã tuân thủ nghiêm túc các điều khoản đã ký kết theo hợp đồng, tuy nhiên do Công ty A đã không thực hiện đúng nội dung trong hợp đồng, máy móc thiết bị thường xuyên hỏng hóc, không kịp thời sửa chữa dẫn đến ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ thi công của công trình do Công ty M đang thực hiện, điều này đã dẫn đến việc Công ty M đã bị chủ đầu tư phạt. Do Công ty A vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trong hợp đồng nên Công ty M đã thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng với Công ty A. Việc Công ty M đã thực hiện đơn phương chấm dứt hợp đồng theo đúng quy định của Bộ luật dân sự, đó là thông báo cho Công ty A biết việc đơn phương chấm dứt hợp đồng, và thông báo này đã được gửi cho Công ty A vào ngày 22/01/2022, theo quy định của Bộ luật dân sự, Khi hợp đồng bị đơn phương chấm dứt thực hiện kể từ thời điểm bên kia nhận được thông báo chấm dứt. Ngày 22/01/2022 Công ty A đã nhận được thông báo chấm dứt hợp đồng của Công ty M, nên hợp đồng đã chấm dứt theo quy định tại điều 428 của Bộ luật dân sự. Đối với khoản tiền bồi thường thiệt hại 30.000.000 đồng chi phí sửa chữa cabin cầu tháp Công ty M không đồng ý, do Công ty M đã thông báo cho Công ty A và yêu cầu tháo dỡ cầu tháp trước ngày 25/01/2022 để trả mặt bằng thi công công trình, nhưng Công ty A không tháo dỡ do đó Công ty M phải thuê người tháo cầu tháp để thực hiện thi công công trình cho đúng tiến độ, việc tháo dỡ Công ty M đã thông báo cho Công ty A nhưng Công ty A không cho người tháo dỡ cũng không cho người đến

kiểm tra, việc tháo dỡ. Sau khi dỡ cầu Công ty M phải thông báo nhiều lần Công ty A mới đến để vận chuyển cầu ra khỏi khu vực thi công. Vì vậy không có căn cứ xác định việc Công ty M tháo dỡ làm hỏng máy móc của Công ty A. Từ những căn cứ nêu trên thấy rằng yêu cầu khởi kiện của Công ty A là không có cơ sở, ngoài ra quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Công ty A không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, hội đồng xét xử giải quyết vụ án dân sự tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, đảm bảo việc giải quyết vụ án dân sự kịp thời, đúng pháp luật, thu thập chứng cứ đúng theo qui định pháp luật. Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 398, 400, 401, 402, 410, 422, 424, 428, 429, 472, 477 Bộ Luật Dân sự năm 2015; Các Điều 293, 302, 303, 304 - Luật thương mại; Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty A về việc yêu cầu Công ty M phải thanh toán cho An Toàn số tiền 232.856.939 đồng, tuyên án phí quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Công ty A khởi kiện yêu cầu Công ty M thanh toán tiền thuê cầu thép, phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nơi thực hiện hợp đồng tại thành phố Lào Cai, do đó theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40 của BLTTDS thì Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào hợp đồng thuê thiết bị số 1012/2021/HĐTB/AT-GM, ngày 10/12/2021 giữa Công ty M và Công ty A.

[2.1] Xét về tính hợp pháp của hợp đồng cho thuê thiết bị: Hợp đồng thuê thiết bị ngày 10/12/2021 được xác lập, ký kết giữa người đại diện theo pháp luật của Công ty A là ông Nguyễn Khắc Toàn, ngày 23/12/2021 Công ty M đã chuyển tiền đặt cọc theo hợp đồng số tiền 100.000.000 đồng cho Công ty A và tại bản tự khai do ông Nguyễn Xuân S giám đốc Công ty M ký đã xác nhận năm 2021 Công ty A ký hợp đồng thuê thiết bị với Công ty M. Hợp đồng được lập thành văn bản, có đóng dấu của Công ty A, văn bản trả lời có đóng dấu của Công ty M. Những nội dung mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, khi xác lập hợp đồng các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự,

không vi phạm đạo đức xã hội và điều cấm của pháp luật nên là cơ sở để làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa hai bên.

[2.2] Về quá trình thực hiện hợp đồng:

Nguyên đơn Công ty A cho rằng ngày 23/12/2021 sau khi Công ty M chuyển tiền cọc theo hợp đồng, Công ty A đã chuyển cầu tháp đến công trình, lắp dựng, kiểm định xong. Ngày 06/01/2022 đã thực hiện kiểm định và bàn giao cho Công ty M. Cầu tháp đã làm việc phục vụ công trường từ ngày 06/01/2022 (tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định cầu tháp bắt đầu hoạt động từ ngày 07/01/2022) đến ngày 25/01/2022 khi vẫn đang hoạt động bình thường thì Công ty M tự ý cho người tháo dỡ tài sản là Cầu QLCM 6015A của Công ty A khi chưa được sự đồng ý của Công ty A. Căn cứ điểm 5.2 Điều 5 của Hợp đồng hành vi của bên A được coi là hủy hoại tài sản và sẽ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi đó. Ngày 18/02/2022 Công ty A đã gửi công văn yêu cầu Công ty M trả chi phí đã thực hiện cầu tháp 202.856.939 đồng và yêu cầu sửa chữa cabin vì Công ty M tự ý tháo dỡ gây thiệt hại giá trị 30.000.000 đồng, tổng số tiền là 232.856.939 đồng. Do Công ty M không thanh toán nên Công ty A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ vào các quy định của pháp luật về việc giao kết hợp đồng, căn cứ vào hợp đồng cho thuê thiết bị ngày 10/12/2021, thấy rằng quá trình thực hiện hợp đồng Công ty M đã chuyển tiền theo đúng mục 4.2 Điều 4 của hợp đồng “Ngay sau khi hợp đồng được ký kết bên A sẽ tạm ứng cho bên B số tiền là 100.000.000 đồng”, điều này được cả hai bên đã thừa nhận trong quá trình thực hiện. Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp cũng như bảng nhật trình cầu tháp tháng 01/2022 do nguyên đơn cung cấp, thấy rằng: sau khi lắp đặt thiết bị, ngày 07/01/2022 cầu tháp hoạt động được vào buổi sáng, chiều; ngày 08/01/2022 và ngày 09/01/2022 ghi cầu hỏng... là phù hợp với lời khai của bị đơn tại Tòa án “sau khi lắp đặt cầu xảy ra sự cố, Công ty M đã thông báo cho An Toàn”. Theo tài liệu do bị đơn cung cấp là các văn bản trao đổi giữa Công ty A và Công ty M thể hiện: Ngày 12/01 cầu hỏng Công ty M đã gửi văn bản số 237-21/CV-GM cho Công ty A; ngày 13/01/2022, Công ty A có văn bản số 1301/AT-2022 do ông Nguyễn Khắc Toàn ký thể hiện nội dung: “*Công ty A đã nhận được văn bản số 237-21 của GM, nhưng do tình hình dịch bệnh nên mong Quý Công ty thông cảm và ngày mai 14/01/2022 chúng tôi sẽ cho đội kỹ thuật lên công trình để xử lý dứt điểm các công việc và cam kết hoàn thành công việc để cầu tháp hoạt động tốt phục vụ công trình*”; Văn bản số 1401/AT/2022 ngày 14/01/2022 của Công ty A có nội dung: “*Cầu hiện nay chưa có đèn chiếu sáng, cần phải nâng cao thêm để làm việc và sau lắp đặt cầu cũng gặp phải một số lỗi hỏng nhẹ. Với lỗi hỏng nhẹ chúng tôi đã cố gắng khắc phục và ngay trong ngày hôm nay 14/01/2022 chúng tôi cam kết sẽ hoàn thành triệt để các công việc còn tồn đọng*”. Như vậy cần xác định ngày 13/01 cầu không hoạt động;

ngày 14/01 Cầu được sửa chữa, lắp giăng, nâng đốt và lắp đèn chiếu sáng phù hợp với lời khai của bị đơn.

Như vậy thấy rằng trong vụ án này Công ty A là bên cho thuê tài sản, căn cứ theo các điều khoản trong hợp đồng thuê giữa Công ty A và Công ty M, cũng như tính chất công trình Công ty M cần thực hiện, Công ty A đã lắp đặt thiết bị không đảm bảo theo quy định theo mục 5.1 Điều 5 của Hợp đồng: “Khi thiết bị hỏng hóc bất kể do lỗi của bên nào, trong thời gian ngắn nhất bên B sẽ cử người đến công trường sửa chữa các hư hỏng của thiết bị... Tổng thời gian thiết bị hỏng không làm việc được không vượt quá 05 ngày/ tháng, nếu vượt quá thời gian trên bên A sẽ không phải trả tiền thuê thiết bị”. Tại phiên tòa các đương sự đều xác định nhật trình hoạt động phản ánh quá trình vận hành máy, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định máy vẫn hoạt động bình thường, nhưng không có căn cứ để chứng minh. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn xác định, tất cả khoảng trống trong nhật trình là thời gian sửa máy nhưng cũng không xuất trình được chứng cứ chứng minh. Như vậy, có căn cứ cho rằng Công ty A đã chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của Công ty M, Công ty M đã thông báo yêu cầu thực hiện nhưng Công ty A không thực hiện nghĩa vụ, nên Công ty M có quyền hủy bỏ hợp đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 424 của Bộ luật dân sự.

Ngày 21/01/2022 Công ty M đã có văn bản số 210121/CV-GM về việc thông báo chấm dứt hợp đồng số 1012/2021/HĐTB/AT-GM từ ngày 21/01/2022, Công ty M đã gửi cho Công ty A qua mạng xã hội Zalo. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định có nhận được thông báo của Công ty M nhưng do Công ty A không đồng ý việc đơn phương chấm dứt hợp đồng của Công ty M nên không trả lời vì Công ty M đơn phương chấm dứt hợp đồng là vi phạm Điều 8 của hợp đồng “Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh và đầy đủ những điều khoản đã ký trong hợp đồng, mọi bổ sung thay đổi phải được lập thành văn bản và có sự đồng ý của hai bên. Không bên nào được đơn phương hủy bỏ hợp đồng”. Hội đồng xét xử thấy rằng bị đơn xác định đã có văn bản thông báo chấm dứt hợp đồng gửi cho Công ty A và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác nhận đã nhận được văn bản của Công ty M, như vậy xác định Công ty M đơn phương chấm dứt hợp đồng và có thông báo cho Công ty A do Công ty A vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trong hợp đồng là đúng quy định tại khoản 1, 2 Điều 428 của Bộ luật dân sự.

Xét yêu cầu của nguyên đơn:

-Quá trình nhận đơn và thụ lý vụ án, Tòa án đã yêu cầu Công ty A cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh bao gồm: Biên bản vi phạm về hành vi tự ý tháo dỡ cầu tháp khỏi vị trí lắp đặt tại công trình The Manor Lào Cai của Công ty M; các hóa đơn chứng từ về việc yêu cầu chi trả chi phí cầu tháp nhưng Công ty A không cung cấp cho Tòa án.

-Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Công ty A thừa nhận Hợp đồng 1012 ngày 10/12/2021 do Công ty A soạn thảo, trên cơ sở thống nhất của hai công ty. Do đó xác định Công ty A hiểu đầy đủ nội dung của hợp đồng. Điều khoản của hợp đồng cũng có nội dung “Khi xảy ra hỏng hóc thiết bị phải sửa chữa, bên B phải thông báo kịp thời cho bên A bằng văn bản hoặc bằng điện thoại...” và “Khi thiết bị hỏng hóc bất kể do lỗi của bên nào, trong thời gian ngắn nhất bên B sẽ cử người đến công trường sửa chữa các hư hỏng của thiết bị...”

Nhưng trong quá trình thực hiện cầu tháp đã không đáp ứng được yêu cầu thi công của công trình do Công ty M thi công, dẫn đến việc Công ty M có văn bản yêu cầu chấm dứt hợp đồng là có căn cứ. Việc Người đại diện theo ủy quyền của Công ty A cho rằng Điều 8 của hợp đồng có quy định “Không bên nào được đơn phương hủy bỏ hợp đồng”, do đó Công ty M đơn phương chấm dứt hợp đồng là vi phạm điều khoản. Tuy nhiên căn cứ quy định tại điều 398 của Bộ luật dân sự thấy rằng, hợp đồng đã có đủ nội dung do đó được chấp nhận thực hiện. Về điều khoản quy định “không bên nào được đơn phương hủy bỏ hợp đồng” là trái quy định của Bộ luật dân sự, do đó khi giải quyết vụ án cần áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự là phù hợp.

Đối chiếu các quy định của Bộ luật dân sự về thực hiện hợp đồng, quyền và nghĩa vụ của các bên thấy rằng: Công ty A đã chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của Công ty M, Công ty M đã thông báo yêu cầu thực hiện nhưng Công ty A không thực hiện nghĩa vụ, do đó Công ty M có quyền hủy bỏ hợp đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 424, khoản 1 Điều 428 của Bộ luật dân sự. Do đó việc Công ty A khởi kiện yêu cầu Công ty M có trách nhiệm bồi thường thiệt hại là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Căn cứ quy định tại khoản 1,2 Điều 427 của Bộ luật dân sự, các bên phải trả lại cho nhau những gì đã nhận sau khi trừ các chi phí hợp lý trong thực hiện hợp đồng và chi phí bảo quản, phát triển tài sản.

Trong vụ án này Công ty A đã chuyển cầu tháp là tài sản cho thuê ra khỏi khu vực thi công công trình của Công ty M, Công ty M đã thanh toán tạm ứng chi phí lắp đặt cầu cho Công ty A tổng số tiền 143.513.462 đồng.

Tại phiên tòa Công ty M không có yêu cầu gì đối với số tiền đã chuyển tạm ứng theo hợp đồng do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Công ty A xác định trong quá trình tháo dỡ Công ty M đã làm nứt cabin cầu tháp, gây thiệt hại 30.000.000 đồng nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh thiệt hại do Công ty M gây ra do đó không có căn cứ để chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án Công ty M có xác định thiệt hại 390.000.000 đồng, tuy nhiên công ty không cung cấp tài liệu chứng cứ, cũng như không làm thủ tục nộp tạm ứng án phí, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn xác nhận đã được thông báo về việc làm thủ tục phản tố nhưng công ty không có yêu cầu nên không làm thủ tục và cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Công ty A phải chịu án phí do yêu cầu không được chấp nhận theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 398, 400, 401, 402, 410, 422, 424, 428, 429, 472, 477 Bộ luật Dân sự; Các Điều 293, 302, 303, 304 - Luật thương mại; Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1,3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty A về việc buộc Công ty M trả số tiền 202.856.939 đồng, và tiền sửa chữa cabin 30.000.000 đồng. Tổng số tiền là 232.856.939 đồng.

2. Về án phí: Công ty A phải chịu 11.642.847 đồng (*Mười một triệu sáu trăm bốn hai nghìn tám trăm bốn bảy đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận Công ty A đã nộp 5.821.400 đồng (*Năm triệu tám trăm hai mươi nghìn bốn trăm đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai ký hiệu: AC-21P, số 0001542 ngày 31/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Công ty A còn phải nộp 5.821.447 đồng (*Năm triệu tám trăm hai mươi nghìn bốn trăm bốn bảy đồng*)

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND TP; VKSND tỉnh Lào Cai;
- Chi cục THADS TP Lào Cai;
- Các đương sự;
- Lưu HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Lý Thị Minh Yên